

Bản án số: 30/2019/HS-ST  
Ngày 29/01/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tố Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Túy Phương  
Bà Trần Ngọc Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh B.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Vũ H, sinh năm 1991 tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú: Tiểu khu Đ, thị trấn Đ1, huyện T, tỉnh Q; tạm trú: 53/3/13 khu phố Đ2, phường B2, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H2, sinh năm 1970; bị cáo có 02 anh em, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1993; vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; bị cáo có 01 tiền án: Ngày 25/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2016/HSST, chấp hành án xong ngày 10/02/2017;

Nhân thân: Ngày 29/8/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 107/2012/HSPT.

Tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2018, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Lê Anh T, sinh năm 1996 tại tỉnh Q; hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T1, huyện T, tỉnh Q; chỗ ở: khu phố Đ2, phường B2, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 08/6/2016 bị Tòa án nhân dân

thị xã D, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm 04 tháng; ngày 27/4/2017 được Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018; bị cáo có mặt.

*Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Th sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã V, huyện V1, tỉnh B1; tạm trú: 53/3/13 khu phố khu phố Đ2, phường B2, thị xã T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Thôn Định Tam, xã Vĩnh Hảo, huyện V1, tỉnh B1. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Thôn Định Tam, xã Vĩnh Hảo, huyện V1, tỉnh B1. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Vũ H và Lê Anh T là bạn bè quen biết. Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 05/9/2018, H gọi điện thoại rủ T lấy trộm tài sản là xe máy trong khu trọ địa chỉ số 53/3/13, khu phố Đ2, phường B2, thị xã T, tỉnh B của H thì T đồng ý và nói ngày 06/9/2018 sẽ đến phòng của H. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 06/9/2018, T đi đến phòng trọ của H, lúc này do khu nhà trọ đông người nên H và T ngủ đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày. H đi qua phòng để xe đối diện với phòng của H thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 của bà Nguyễn Thị Ngọc Thoa không khóa cổ, đèn số sáng nên H quay đầu xe ra cửa rồi quay về phòng kêu T qua lấy xe. Còn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 62D1-082.87 của H ra đường đợi T sẵn. T lấy xe nhưng do xe không nổ máy nên T ngồi lên xe dùng chân đẩy ra ngoài. Ra tới cổng thì H điều khiển xe mô tô của H dùng chân đẩy xe mô tô của T điều khiển chạy được một đoạn thì máy nổ. T và H điều khiển xe đi về hướng cầu vượt S thuộc phường B2, quận TH1, trên đường đi H gọi điện thoại cho đối tượng tên D (chưa xác định được nhân thân địa chỉ) để bán xe, D hẹn H tại đường Tam Châu, đoạn trước quán cà phê Tèo thuộc khu phố 5, phường T, quận Th1, thành phố H1 và bán xe được 900.000 đồng, số tiền này H và T chia nhau sử dụng.

Về phía bị hại Nguyễn Thị Ngọc Th, ngày 06/9/2018 phát hiện bị mất trộm xe nhưng đến ngày 11/9/2018 bị hại mới trình báo sự việc đến Công an phường B2, thị xã Thuận An.

Quá trình điều tra, H và T thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 của bà Nguyễn Thị Ngọc Th vào ngày 06/9/2018.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E106 màu đen và 01 áo thun màu xanh, 01 quần đùi màu trắng của bị cáo Trần Vũ H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT C7 màu xanh đen và 01 áo khoác màu vàng nhạt, 01 quần Jean màu xanh nhạt, 01 nón kết màu trắng xám của bị cáo Lê Anh T.

Tại Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An ngày 19/9/2018 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 trị giá 5.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 28/CT-VKS-TA ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh B truy tố các bị cáo Trần Vũ H và Lê Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 và Điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Vũ H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 09 tháng đến 01 năm tù. Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát còn yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị hại Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày ý kiến như đã khai tại cơ quan điều tra, xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định xe mô tô hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 là tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q, bị hại được ông Q cho mượn xe. Do đây là xe của ông Q nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho ông Q, riêng bị hại không có yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu Tòa án xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông Q giữ nguyên tất cả các lời khai đã trình bày trong quá trình điều tra. Xác định xe mô tô hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Q. Tài sản bị chiếm đoạt ông Q không yêu cầu bà Th bồi thường mà yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông Q theo giá trị đã được định giá. Đồng thời ông Q yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày: Ông D giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra. Xe mô tô hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 do ông D đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhưng ông D đã cho ông Q nên ông D không có yêu cầu gì trong vụ án này và yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Vũ H, Lê Anh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại; lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 06/9/2018, địa chỉ số 53/3/13, khu phố Đ2, phường B2, thị xã T, tỉnh B, bị cáo Trần Vũ H đã có hành vi rủ rê và cùng bị cáo Lê Anh T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 77H3-4708 của bị hại Nguyễn Thị Ngọc Th với trị giá 5.000.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố các bị cáo Trần Vũ H và Lê Anh T với tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì tư lợi cá nhân các bị cáo cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả. Bị cáo Trần Vũ H bản thân đã từng bị xử phạt về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cho thấy thái độ xem thường pháp luật, nên thấy cần phải có mức án thật nghiêm để đủ thời gian răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét tính chất đồng phạm, đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Trần Vũ H là người rủ rê, cùng bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt và bị cáo H còn tìm người tiêu thụ tài sản vừa chiếm đoạt; bị cáo T là người trực tiếp dịch chuyển tài sản của bị hại ra khỏi nơi quản lý và cùng bị cáo H mang đi tiêu thụ. Do đó, trong vụ án này, bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo T khi thực hiện tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Đối với bị cáo Trần Vũ H:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân, từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và đã xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 25/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2016/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích

lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo Lê Anh T:

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự về việc bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thuộc Điểm i, s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Trần Vũ H và Lê Anh T là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E106 màu đen của Trần Vũ H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT C7 màu xanh đen của bị cáo Lê Anh T là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo Khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điểm a, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 áo thun màu xanh, 01 quần đùi màu trắng của bị cáo Trần Vũ H và 01 áo khoác màu vàng nhạt, 01 quần Jean màu xanh nhạt, 01 nón kết màu trắng xám của bị cáo Lê Anh T, các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm a, Khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Q thỏa thuận với nhau về việc các bị cáo Trần Vũ H và Lê Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Q trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.000.000 đồng. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà Th và ông Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với đối tượng tên D do chưa xác định được nhân thân địa chỉ nên Cơ quan điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

[9] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision biển số 62D1-082.87 của bị cáo Trần Vũ H sử dụng để làm phương tiện trong quá trình phạm tội, quá trình điều tra H khai nhận đã bán cho tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ nên không thu hồi được.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo H , T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1, Điều 173; Khoản 1 Điều 47; Khoản 1, Điều 48; Điểm s Khoản 1, Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Vũ H ;

Khoản 1, Điều 173; Khoản 1 Điều 47; Khoản 1, Điều 48; Điểm i, s Khoản 1, Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Anh T;

Điều 106, 136, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố các bị cáo Trần Vũ H, Lê Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2018.

**2. Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E106 màu đen Imei 867582031952483 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT C7 màu xanh - đen Imei 980018003576341.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo thun ngắn tay màu xanh, 01 chiếc quần đùi màu trắng; 01 chiếc áo khoác màu vàng nhạt, 01 chiếc quần Jean màu xanh nhạt; 01 nón kết màu trắng – xám.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa Công an thị xã Thuận An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Trần Vũ H và bị cáo Lê Anh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

**4. Về án phí:** Các bị cáo Trần Vũ H, Lê Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Trần Vũ H, Lê Anh T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Phòng PV 27 CA tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**Nguyễn Tô Uyên**